

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Thường xuyên)

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DDP
- Địa chỉ trụ sở:** 704 Phan Đình Phùng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://kontum.udn.vn/>
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
  - Trang tuyển sinh: <http://ts.kontum.udn.vn/>
  - Trang Zalo: 0342 110 119
  - Trang Fanpage: <https://www.facebook.com/kontum.udn.vn> (UDCK- Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum)
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02606 509 559; 0342 110 119
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**
  - Chương trình đào tạo, ngành đào tạo: <https://kontum.udn.vn/?act=chuong-trinh-dao-tao-chinh-quy.html>
  - Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://kontum.udn.vn/?act=ba-cong-khai.html>
  - Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành: <https://ts.kontum.udn.vn/>

### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

#### 1. Tuyển sinh đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)

##### 1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương. Nguồn xét tuyển là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều kiện: Thí sinh đáp ứng điều kiện dự tuyển cho từng phương thức xét tuyển của thông tin tuyển sinh này.

##### 1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

###### 1.2.1. Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 trở về trước.

Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đầu vào
DDP	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Ngữ văn + Toán + Địa lí 2. Ngữ văn + Toán + Lịch sử 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lí 4A. Ngữ văn + Toán + GDKT&PL 4B. Ngữ văn + Toán + GDCD 5. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 6. Ngữ văn + Toán + Vật lý	1. C04 2. C03 3. C00 4A. X01 4B.C14 5. D01 6. C01	Theo quy định chung của Bộ GDĐT

- Điểm sàn (DS) = Tổng điểm 3 môn không nhân hệ số + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển, quy về thang điểm 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh.

- Không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) để quy đổi điểm xét tuyển tổ hợp có môn Tiếng Anh.

### 1.2.2. Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT áp dụng cho các thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026 trở về trước.

Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đầu vào
DDP	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Ngữ văn + Toán + Địa lí 2. Ngữ văn + Toán + Lịch sử 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lí 4A. Ngữ văn + Toán + GDKT&PL 4B. Ngữ văn + Toán + GDCD 5. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 6. Ngữ văn + Toán + Vật lý	1. C04 2. C03 3. C00 4A. X01 4B.C14 5. D01 6. C01	- Theo quy định chung của Bộ GDĐT. - Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

- Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn học theo thang điểm 30, làm tròn đến hàng phần trăm.

- Điểm sàn (DS) = Tổng điểm 3 môn không nhân hệ số + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển, quy về thang điểm 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh.

- Điểm môn ngoại ngữ sử dụng trong xét tuyển là điểm tiếng Anh chính (Ngoại ngữ 1).

- Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế, cụ thể các môn trong cùng nhóm sau thì được thay thế kết quả cho nhau:

Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật;

Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hóa học, Sinh học;

Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật.

### **1.2.3. Phương thức 3: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển**

Xét các thí sinh tốt nghiệp và điểm thi Năng khiếu năm 2026 trở về trước.

Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đầu vào
DDP	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Toán + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) 2. Ngữ văn + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	1. M09 2. M01	- Theo quy định chung của Bộ GDĐT - Năng khiếu 1 $\geq 5$ và Năng khiếu 2 $\geq 5$

- Môn Năng khiếu, thí sinh thực hiện đăng ký và thi theo kế hoạch của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng hoặc các trường có tổ chức thi trên cả nước có các môn thi tương đồng: Năng khiếu 1 (Kể chuyện), Năng khiếu 2 (Hát).

- Điểm sàn (DS) = Tổng điểm 3 môn không nhân hệ số + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển, quy về thang điểm 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh.

- Xét kết quả điểm thi Năng khiếu của thí sinh dự thi ở các trường đại học trên cả nước nếu có các môn thi tương đồng theo tổ hợp xét tuyển sau: Năng khiếu 1 (Kể chuyện

theo tranh), Năng khiếu 2 (Hát) hoặc Năng khiếu 1 (Kể chuyện\*, Đọc diễn cảm), Năng khiếu 2 (Hát\*, Nhạc). Trong đó, (\*) là phân môn có trong tổ hợp xét tuyển của Phân hiệu.

**1.2.4. Phương thức 4: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển**

Xét các thí sinh tốt nghiệp và điểm thi Năng khiếu năm 2026 trở về trước.

Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đầu vào
DDP	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Toán + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) 2. Ngữ văn + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	1. M09 2. M01	- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên - Năng khiếu 1 $\geq 5$ và Năng khiếu 2 $\geq 5$

- Điểm Toán, Ngữ văn dùng để xét tuyển là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của môn học theo thang điểm 30.

- Điểm sàn (DS) = Tổng điểm 3 môn không nhân hệ số + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển, quy về thang điểm 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh.

- Xét kết quả điểm thi Năng khiếu của thí sinh dự thi ở các trường đại học trên cả nước nếu có các môn thi tương đồng theo tổ hợp xét tuyển sau: Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh), Năng khiếu 2 (Hát) hoặc Năng khiếu 1 (Kể chuyện\*, Đọc diễn cảm), Năng khiếu 2 (Hát\*, Nhạc). Trong đó, (\*) là phân môn có trong tổ hợp xét tuyển của Phân hiệu.

**1.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp: Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển của các tổ hợp xét tuyển là bằng nhau (độ lệch điểm = 0).

Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh: Công bố sau khi có kết quả thi THPT và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 1.4. Số lượng tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum

Mã trường: DDP

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	71402 02	Đào tạo giáo viên	7140202	Giáo dục Tiểu học	25	<b>Phương thức 1:</b> Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; <b>Tổ hợp xét tuyển:</b> 1. Ngữ văn + Toán + Địa lí 2. Ngữ văn + Toán + Lịch sử 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lí 4. Ngữ văn + Toán + GDKT&PL 5. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 6. Ngữ văn + Toán + Vật lý	
2						<b>Phương thức 2:</b> Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) <b>Tổ hợp xét tuyển:</b> 1. Ngữ văn + Toán + Địa lí 2. Ngữ văn + Toán + Lịch sử 3. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lí 4A. Ngữ văn + Toán + GDKT&PL 4B. Ngữ văn + Toán + GD CD 5. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 6. Ngữ văn + Toán + Vật lý	
3	71402 01		7140201	Giáo dục Mầm non	30	<b>Phương thức 3:</b> Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển <b>Tổ hợp xét tuyển:</b> 1. Toán, Năng khiếu 1 ( <i>Kể chuyện theo tranh</i> ), Năng khiếu 2 ( <i>Hát</i> ) 2. Ngữ văn, Năng khiếu 1 ( <i>Kể chuyện theo tranh</i> ), Năng khiếu 2 ( <i>Hát</i> )	
4						<b>Phương thức 4:</b> Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển; <b>Tổ hợp xét tuyển:</b>	

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						1. Toán, Năng khiếu 1 ( <i>Kể chuyện theo tranh</i> ), Năng khiếu 2 ( <i>Hát</i> ) 2. Ngữ văn, Năng khiếu 1 ( <i>Kể chuyện theo tranh</i> ), Năng khiếu 2 ( <i>Hát</i> )	

### 1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách thứ tự xét ưu tiên là điểm trung bình môn Toán, Ngữ văn cả năm học lớp 12 (xét chọn những thí sinh có điểm môn Toán cao hơn, nếu bằng điểm môn Toán thì xét chọn thí sinh có điểm môn Ngữ văn cao hơn).

b. Điểm cộng: Phân hiệu không dùng điểm cộng, điểm thưởng để xét tuyển.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Phân hiệu không áp dụng tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo.

### 1.6. Tổ chức tuyển sinh

#### 1.6.1. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian: Theo thông báo của Đại học Đà Nẵng.
- Địa điểm nhận hồ sơ

#### PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

704 Phan Đình Phùng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 02606 509 559.

#### 1.6.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu ĐHĐN)
- Bản sao hợp lệ kết quả thi THPT, học bạ THPT
- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT
- Minh chứng hợp lệ để hưởng các chính sách ưu tiên
- Lệ phí đăng ký xét tuyển.

### 1.7. Chính sách ưu tiên

Các đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo Quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 1.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

Thực hiện theo Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Đà Nẵng.

### 1.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có), theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và của Phân hiệu.

## 1.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

### 1.10.1 Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Mức thu học phí năm học 2026 - 2027

TT	Ngành	Mức học phí (Số tiền/1 tín chỉ)
1	Giáo dục Tiểu học	626.000 đồng/tín chỉ
2	Giáo dục Mầm non	626.000 đồng/tín chỉ

- Mức học phí hàng năm tăng theo lộ trình và thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thay thế Nghị định 81 và Nghị định 97.

## 2. Tuyển sinh đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (liên thông, đã có một văn bằng đại học)

### 2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng: Người đã có bằng trung cấp, cao đẳng hoặc bằng đại học thứ nhất.

Điều kiện: Thí sinh đáp ứng điều kiện dự tuyển cho từng phương thức xét tuyển của thông tin tuyển sinh này.

### 2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

#### **Phương thức 5: Xét kết quả thi học tập bậc trung cấp, cao đẳng; điểm trung bình học tập của bằng đại học thứ nhất**

Xét tuyển các thí sinh theo kết quả học tập bậc trung cấp, cao đẳng; điểm trung bình học tập của bằng đại học thứ nhất.

- Ngành Giáo dục Tiểu học xét tuyển Liên thông từ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học (văn bằng hai);

- Ngành Giáo dục Mầm non xét tuyển Liên thông từ đại học (văn bằng hai).

Phương thức xét tuyển	Đối tượng thuộc nhóm ngành xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
Xét điểm trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học	Thí sinh tốt nghiệp ngành không thuộc nhóm đào tạo giáo viên	- Xét điểm trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10) hoặc $\geq 2,0$ (theo thang điểm 4); - Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử

		dùng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.
	Thí sinh tốt nghiệp thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên	<p><b>- Đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học trước ngày 7/5/2020:</b> Xét điểm trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học <math>\geq 5,0</math> (theo thang điểm 10) hoặc <math>\geq 2,0</math> (theo thang điểm 4).</p> <p><b>- Đối với thí sinh tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học sau ngày 7/5/2020:</b> Xét điểm trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học <math>\geq 5,0</math> (theo thang điểm 10) hoặc <math>\geq 2,0</math> (theo thang điểm 4) và phải đạt một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;</li> <li>- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;</li> <li>- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;</li> <li>- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.</li> </ul>

Quy đổi điểm trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học, cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4
1	từ 8,5 đến 10,0	4
2	từ 7,0 đến 8,4	3
3	từ 5,0 đến 6,9	2

Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách thứ tự xét ưu tiên là điểm trung bình môn Toán, Ngữ văn cả năm học lớp 12 (xét chọn những thí sinh có điểm môn Toán cao hơn, nếu bằng điểm môn Toán thì xét chọn thí sinh có điểm môn Ngữ văn cao hơn).

**2.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

Phương thức này không sử dụng các tổ hợp khác nhau để xét tuyển, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển của điểm xét trung bình chung học tập ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học là bằng nhau (độ lệch điểm = 0).

Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh: Phương thức này xét theo chỉ tiêu riêng, không so sánh với điểm các phương thức khác (không sử dụng độ lệch).

## 2.4. Số lượng tuyển sinh

Địa chỉ đào tạo: Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum

Mã trường: DDP

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7140202	<b>Đào tạo giáo viên</b>	7140202	Giáo dục Tiểu học	5	<b>Phương thức 5:</b> Xét kết quả học tập bậc Trung cấp	
2	7140202		7140202	Giáo dục Tiểu học	5	<b>Phương thức 5:</b> Xét kết quả học tập bậc Cao đẳng	
3	7140202		7140202	Giáo dục Tiểu học	5	<b>Phương thức 5:</b> Xét kết quả học tập đối với Bằng ĐH thứ nhất	
4	7140201		7140201	Giáo dục Mầm non	15	<b>Phương thức 5:</b> Xét kết quả học tập đối với Bằng ĐH thứ nhất	

## 2.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách thứ tự xét ưu tiên là điểm trung bình môn Toán, Ngữ văn cả năm học lớp 12 (xét chọn những thí sinh có điểm môn Toán cao hơn, nếu bằng điểm môn Toán thì xét chọn thí sinh có điểm môn Ngữ văn cao hơn).

b. Điểm cộng: Phân hiệu không dùng điểm cộng, điểm thưởng để xét tuyển.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Phân hiệu không áp dụng tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo.

## 2.6. Tổ chức tuyển sinh

### 2.6.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu ĐHĐN)
- Bản sao hợp lệ kết quả học tập, bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học
- Minh chứng hợp lệ để hưởng các chính sách ưu tiên
- Lệ phí đăng ký xét tuyển.

### 2.6.2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian: Theo thông báo của Đại học Đà Nẵng
- Địa điểm nhận hồ sơ

**PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM**  
**704 Phan Đình Phùng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi**  
**Điện thoại: 02606 509 559.**

**2.7. Chính sách ưu tiên**

Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2.8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh**

Lệ phí đăng ký xét tuyển: Theo qui định của Đại học Đà Nẵng.

**2.9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh**

Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có), theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và của Phân hiệu.

**2.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

**2.10.1. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm.**

- Mức thu học phí năm học 2026 – 2027

TT	Ngành	Mức học phí (Số tiền/1 tín chỉ)
<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>		
1	Giáo dục tiểu học	626.000 đồng/tín chỉ
<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>		
1	Giáo dục tiểu học	626.000 đồng/tín chỉ
<b>Liên thông đối với người có bằng đại học</b>		
1	Giáo dục tiểu học	626.000 đồng/tín chỉ
2	Giáo dục Mầm non	626.000 đồng/tín chỉ

- Mức học phí hàng năm tăng theo lộ trình và thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thay thế Nghị định 81 và Nghị định 97.

**2.10.2 Thông tin trực hỗ trợ, giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển**

- Địa chỉ website tuyển sinh của trường: <https://ts.kontum.udn.vn/>
- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Điện thoại liên hệ</b>	<b>Email</b>
1	Đỗ Thị Thanh Phương	Tư vấn tuyển sinh	0905 565 522	dttpuong@kontum.udn.vn
2	Trần Quốc Hùng	Tư vấn tuyển sinh	0866 051 599	tqhung@kontum.udn.vn
3	Từ Thị Vân	Tư vấn tuyển sinh	0363 780 458	ttvan@kontum.udn.vn
4	Nguyễn Thị Hải Yến	Tư vấn tuyển sinh	0938 709 568	nthyen@kontum.udn.vn
5	Lê Thị Anh Thiên	Tư vấn tuyển sinh	0979 507 658	ltathien@kontum.udn.vn

### 3. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú	
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
1.	100	71402 Đào tạo giáo viên	7140202	<b>Giáo dục tiểu học - Đại học</b>	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	<b>30</b>	<b>17</b>	<b>20,00</b>	-	-	-		
				1. Toán + Ngữ văn + Địa lí		-	-	-	-	-	-		
				2. Toán + Ngữ văn + Lịch sử		-	01	20,41					
				3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh		-	01	20,15					
				4. Toán + Ngữ văn + GDKT&PL		-	03	20,25					
				5. Toán + Vật lý + Hóa học		-	-	-	-	-	-		
				6. Toán + Hóa học + Sinh học		-	-	-	-	-	-		
				7. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý			12	20,00					
				8. Toán + Ngữ văn + Tin học		-	-	-	-	-	-		
	9. Toán + Ngữ văn + Công nghệ công nghiệp	-	-	-	-	-	-						
	200				<b>Giáo dục tiểu học - Đại học</b>	Kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)	-	<b>03</b>	<b>22,36</b>	-	-	-	
					1. Toán + Ngữ văn + Địa lí		-	01	25,05	-	-	-	
					2. Toán + Ngữ văn + Lịch sử		-	-	-	-	-	-	
					3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh		-	-	-	-	-	-	
					4A. Toán + Ngữ văn + GDKT&PL		-	-	-	-	-	-	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
				4B. Toán + Ngữ văn + GDCD		-	-	-	-	-	-	
				5. Toán + Vật lý + Hóa học;		-	-	-	-	-	-	
				6. Toán + Hóa học + Sinh học		-	-	-	-	-	-	
				7. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý		-	01	24,69				
				8. Toán + Ngữ văn + Tin học		-	01	23,05				
				9. Toán + Ngữ văn + Công nghệ công nghiệp		-	-	-	-	-	-	
	500			<b>Giáo dục tiểu học - Liên thông từ Trung cấp lên Đại học (TC-ĐH)</b>	Xét kết quả học tập trình độ trung cấp	<b>02</b>	<b>01</b>	<b>2,00</b>	<b>19</b>	<b>04</b>	<b>6,40</b>	
			Điểm trung bình học tập trình độ trung cấp $\geq 5.0$ (Đối với thang điểm 10), $\geq 2.0$ (Đối với thang điểm 4)	-		01	3,00	-	04	6,40		
				<b>Giáo dục tiểu học - Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học (CD-ĐH)</b>	Xét kết quả học tập trình độ cao đẳng	<b>07</b>	<b>09</b>	<b>2,00</b>	<b>30</b>	<b>02</b>	<b>5,56</b>	
			Điểm trung bình học tập trình độ cao đẳng $\geq 5.0$ (Đối với thang điểm 10), $\geq 2.0$ (Đối với thang điểm 4)	-		09	2,00	-	02	5,56		
				<b>Giáo dục tiểu học - Liên thông cho người có bằng tốt nghiệp Đại học (ĐH)</b>	Xét kết quả học tập của bằng Đại học thứ nhất	<b>06</b>	<b>11</b>	<b>2,00</b>	<b>15</b>	<b>08</b>	<b>6,33</b>	
			Điểm trung bình học tập của bằng Đại học thứ nhất (Điểm TB này là trung bình cho tất cả các môn trong chương trình học) $\geq 5.0$ ,	-		11	2,88	-	08	6,33		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
				(Đối với thang điểm 10), $\geq 2.0$ (Đối với thang điểm 4)								
2.	405		7140201	<b>Giáo dục Mầm non - Đại học</b>	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu năm 2025 để xét tuyển	<b>30</b>	<b>06</b>	<b>20,25</b>	-	-	-	
				1. Toán + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	-	-	-	-	-	-		
				2. Ngữ văn + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	-	06	20,25	-	-	-		
	406			<b>Giáo dục Mầm non - Đại học</b>	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu năm 2025 để xét tuyển	-	<b>01</b>	<b>21,50</b>	-	-	-	
				1. Toán + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	-	-	-	-	-	-		
				2. Ngữ văn + Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát)	-	01	23,68	-	-	-		
500		<b>Giáo dục tiểu học - Liên thông cho người có bằng tốt nghiệp Đại học (ĐH)</b>	Xét kết quả học tập của bằng Đại học thứ nhất	<b>07</b>	<b>01</b>	<b>2,00</b>	-	-	-			
		Điểm trung bình học tập của bằng Đại học thứ nhất (Điểm TB này là trung bình cho tất cả các môn trong chương trình học) $\geq 5.0$ , (Đối với thang điểm 10), $\geq 2.0$ (Đối với thang điểm 4)	-	01	2,85	-	-	-				

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
<b>Tổng</b>						<b>82</b>	<b>49</b>					

*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*

**Cán bộ tuyển sinh**

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Việt Tuấn**

SĐT: 090 5131 108;

Email: [nvtuan@kontum.udn.vn](mailto:nvtuan@kontum.udn.vn)

**TS. Nguyễn Tố Như**